

Số: *662* /KH-UBND

Tân Yên, ngày *28* tháng 8 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được đánh giá chính xác thực trạng sử dụng đất đai cấp xã làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai của huyện trong giai đoạn 2015-2019, đánh giá được sự biến động đất đai so với chu kỳ 5 năm, 10 năm trước và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhất là việc lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định của Luật quy hoạch và Luật Đất đai;

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cần phải được đổi mới nội dung, phương pháp, tổ chức thực hiện để kiểm soát chặt chẽ kết quả điều tra kiểm kê thực địa, nâng cao chất lượng thực hiện, khắc phục hạn chế, tồn tại của các kỳ kiểm kê trước đây.

Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất trên địa bàn huyện, các xã, thị trấn.

2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

2.1. Phạm vi thực hiện

Kiểm kê đất đai năm 2019 được tiến hành trên phạm vi toàn huyện, trong đó cấp xã là đơn vị cơ bản tiến hành kiểm kê đất đai. Kết quả kiểm kê đất đai và

bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện.

Kiểm kê đất đai sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo phương án riêng; Kết thúc kỳ kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, Ban chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện báo cáo kết quả kiểm kê gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

2.2. Đối tượng thực hiện

Đối tượng kiểm kê đất đai năm 2019 gồm: Diện tích các loại đất, các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được Nhà nước giao để quản lý; tình hình quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp, các dự án xây dựng nhà ở thương mại, các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của UBND xã, thị trấn; đất, cụm công nghiệp; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp.

2.3. Đơn vị điều tra

Đơn vị thực hiện điều tra kiểm kê gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại; các tổ chức sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; các cụm công nghiệp; các đơn vị Quân đội, Công an.

3. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

3.1. Nội dung kiểm kê đất đai năm 2019

a) Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019

Thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất theo quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT); các chỉ tiêu loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng được Nhà nước giao quản lý đất phải kiểm kê, tổng hợp được quy định tại hệ thống biểu mẫu, Phụ lục số 02, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

b) Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề theo yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Chỉ thị số 15/CT-TTg), bao gồm:

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa gồm: diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc thuê đất; diện tích đất đang sử dụng đúng mục đích được

giao, được thuê; diện tích sử dụng không đúng mục đích; diện tích chưa sử dụng; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dễ bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); tình hình cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả theo Biểu số 01/CT15- Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp gồm: diện tích các loại đất đang sử dụng; diện tích chưa sử dụng; diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc được thuê đất; diện tích sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao (như: tự ý chuyển sang sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp hoặc bố trí làm nhà ở cho người lao động); diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích dễ bị lấn, bị chiếm; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dự kiến sẽ bàn giao cho địa phương; diện tích đã đo đạc địa chính; tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 02 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; việc tổng hợp kết quả vào các biểu gồm: Biểu số 2a/CT15 - Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp và Biểu số 2b/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại (đối với các dự án chưa hoàn thành, chưa bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng) gồm: diện tích theo hình thức giao đất, thuê đất; diện tích đang sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao, được thuê; diện tích chậm tiến độ theo dự án đầu tư được duyệt; diện tích chưa sử dụng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của chủ đầu tư; tình hình sử dụng căn hộ để ở tại dự án; tình hình cấp giấy chứng nhận cho người mua nhà.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 03 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất tại dự án xây dựng nhà ở thương mại; biểu tổng hợp kết quả theo Biểu số 03/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh gồm: diện tích đất được giao, được thuê; diện tích sử dụng đúng mục đích, diện tích sử dụng vào mục khác; diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dễ bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (đối với công trình công cộng có mục đích kinh doanh); tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả vào các biểu, gồm: Biểu số 04/CT15 - Kiểm kê

tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập; Biểu số 05/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh.

- Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã, thị trấn (sau đây gọi là quỹ đất công ích cấp xã) gồm: vị trí, diện tích, hình thức để tập trung hay phân tán, tình hình sử dụng quỹ đất công ích xã vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 132 của Luật Đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; tình hình lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích cấp xã; diện tích đất công ích đã sử dụng vào các mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Đất đai trong 5 năm qua (từ năm 2015 đến 2019).

Thực hiện theo các biểu gồm: Biểu số 06a/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, thị trấn; Biểu số 06b/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, thị trấn; Biểu số 06c/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, thị trấn đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015 - 2019).

c) Một số nội dung kiểm kê khác theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Kiểm kê diện tích đất sạt lở, bồi đắp trong 5 năm qua bao gồm: Diện tích bị sạt lở, diện tích bồi đắp ven sông, theo các loại đất chính (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng).

Việc điều tra, tổng hợp kết quả thực hiện theo mẫu Biểu số 07/QĐ - Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019).

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các cụm công nghiệp, bao gồm: diện tích cần xây dựng hạ tầng và diện tích đã hoàn thành xây dựng hạ tầng; diện tích để chuyển nhượng, cho thuê sản xuất kinh doanh, trong đó: diện tích đã chuyển nhượng, cho thuê để sản xuất kinh doanh; tỷ lệ lấp đầy; tình hình cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và cho người sử dụng đất sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 04 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất cụm công nghiệp, khu chế xuất; biểu tổng hợp số 08/QĐ - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất cụm công nghiệp.

3.2. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được xây dựng theo từng đơn vị hành chính được thực hiện như sau

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã: Diện tích dưới 120 ha chọn tỷ lệ bản đồ 1:1000; từ 120 ha đến 500 ha chọn tỷ lệ bản đồ 1: 2.000; từ 500 ha đến 3.000 ha chọn tỷ lệ bản đồ 1: 5.000; từ 3.000 ha trở lên chọn tỷ lệ bản đồ 1: 10.000.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện: tỷ lệ bản đồ 1: 25.000

3.3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đến năm 2019

Trên cơ sở số liệu kiểm kê đất đai đã được tổng hợp, thực hiện phân tích đánh giá đúng thực trạng tình hình sử dụng quỹ đất, tình hình biến động đất đai,

tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tình hình giao đất cho thuê đất, đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính của từng đơn vị hành chính cấp xã, huyện. Phân tích, làm rõ những nguyên nhân hạn chế, tồn tại và đề xuất biện pháp khắc phục.

3.4. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 phải phản ánh đầy đủ các nội dung

- Tình hình tổ chức thực hiện; phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai, nguồn gốc số liệu thu thập tại cấp xã và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập và số liệu tổng hợp; các thông tin khác có liên quan đến số liệu; nguồn tài liệu và phương pháp lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê; đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất giữa năm kiểm kê với 02 kỳ kiểm kê gần nhất; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kiểm kê; tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất; tình hình chuyển mục đích sử dụng đất khác với hồ sơ địa chính; tình hình tranh chấp địa giới hành chính (nếu có);

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất đai.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT; trong đó phải khoanh vẽ tất cả các khoanh đất theo từng loại đất của từng đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất cần kiểm kê trong phạm vi hành chính từng xã, thị trấn lên bản đồ điều tra để bảo đảm tổng hợp đầy đủ số liệu kiểm kê đất đai.

4.2. Đối với các nội dung kiểm kê đất đai theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Quyết định của Bộ trưởng

a) Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích; diện tích bị sạt lở, bồi đắp

- Đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào các tài liệu cho thuê đất công ích của xã (hợp đồng thuê đất, sổ sách theo dõi việc cho thuê đất) và các loại bản đồ sử dụng cho quản lý đất đai ở địa phương (bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, sơ đồ giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP), kết hợp với bản đồ kiểm kê đất đai để tổng hợp các thửa đất nông nghiệp công ích của xã;

- Đối với diện tích bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019): do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện gắn với quá trình kiểm kê đất đai bằng phương pháp sử dụng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê năm 2014 kết hợp với các loại bản đồ khác để khoanh vẽ, xác định diện tích các khu vực bị sạt lở hoặc bồi đắp trong 5 năm qua để tổng hợp, báo cáo. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường huyện, xã

kiểm tra thực tế việc khoanh vẽ trước khi tiếp nhận, tổng hợp kết quả.

4.3. Việc tính toán, xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 áp dụng công nghệ thông tin theo phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm độ chính xác và quản lý thống nhất số liệu.

4.4. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các cấp để bảo đảm chất lượng số liệu kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát công tác thực hiện và kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Việc kiểm tra được tiến hành trong tất cả các công đoạn ở các cấp, nhất là quá trình điều tra khoanh vẽ, tổng hợp số liệu ở cấp xã;

b) Trước khi tiếp nhận kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của cấp xã, cơ quan tiếp nhận phải kiểm tra thẩm định về các nội dung theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, trong đó:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ của 1/3 tổng diện tích của mỗi xã trên địa bàn huyện và việc tổng hợp số liệu của tất cả các xã trong huyện.

5. Thời điểm kiểm kê và thời hạn hoàn thành ở từng cấp

5.1. Thời điểm chốt số liệu để kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được thực hiện thống nhất tính đến hết ngày 31/12/2019.

5.2. Thời hạn hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Cấp xã triển khai thực hiện thống nhất từ ngày 01 tháng 8 năm 2019, hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;

- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;

6. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019

6.1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

Hồ sơ giao nộp kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 của Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

6.2. Đối với nội dung kiểm kê chuyên đề theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và quyết định của Bộ trưởng

a) Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã giao nộp:

- Biểu số 06a/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06b/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06c/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người

bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015 - 2019).

- Biểu số 07/QĐ: Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019).

b) Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nộp: Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích và Biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019) của toàn huyện (biểu số 06b/CT15; 06c/CT15 và 07/QĐ).

6.3. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019

Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của xã, huyện, ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 15 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, còn phải phân tích, đánh giá chi tiết tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích, diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp ở địa phương.

7. Kinh phí kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí ngân sách của huyện, cấp xã để thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Ở huyện

a) Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2019 để tổ chức chỉ đạo thực hiện, chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, trình UBND huyện ban hành và tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định và kế hoạch đề ra.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có trách nhiệm chủ trì cùng các ban, ngành có liên quan đơn đốc, chỉ đạo thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai báo cáo theo quy định.

8.2. Cấp xã

Thành lập tổ công tác để thực hiện kiểm kê đất đai do đồng chí Lãnh đạo UBND cấp xã làm Tổ trưởng, các thành viên khác là công chức địa chính-xây dựng, tài chính, văn phòng thống kê và các ngành có liên quan để giúp UBND cấp xã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác kiểm kê đất đai, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

9. Kế hoạch tiến hành

9.1. Công tác chuẩn bị thực hiện kiểm kê đất đai ở các cấp gồm các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 20 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

9.2. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai theo các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 20 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT và mục 3 của Phương án này, cụ thể như sau:

a) Từ ngày 01/8/2019 đến trước ngày 16/01/2020

- UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các ngành tập trung tổ chức chỉ đạo, thực hiện và hoàn thành việc kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tại xã, phường, thị trấn trên phạm vi cả nước và báo cáo kết quả về cấp huyện trước ngày 16/01/2020;

b) Từ ngày 16/01/2020 đến trước ngày 01/3/2020

- UBND huyện hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định kết quả của cấp xã; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện và nộp báo cáo lên UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 01/3/2020;

UBND huyện yêu cầu các xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện đúng kế hoạch này, bảo đảm hoàn thành việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn theo quy định././

Nơi nhận:

- Sở TN&MT (b/c);
- TT HU, HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Ban CHQS huyện, Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, DN TW trên địa bàn;
- Lưu: VT; TNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Lượng